

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2026/HS-ST
Ngày 04-6-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Anh, ông Nguyễn Tiến Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Bạc Thị Thoán, Kiểm sát viên.

Ngày 04/6/2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 105/2026/TLST-HS ngày 06/5/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2026/QĐXXST-HS ngày 22/5/2026 đối với bị cáo:

Cà Văn H (*tên gọi khác: Cà Văn H1*), sinh ngày 08/11/1988 tại xã M, tỉnh S; số định danh cá nhân: 014088012434; nơi thường trú: Bản Q, xã M, tỉnh S; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 02/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cà Văn N và bà Cà Thị K (*đã chết*); có vợ là Lù Thị D (*đã ly hôn*) và 03 con (*con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2013*); tiền án, tiền sự: Không có; về nhân thân: Ngày 29/5/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đã được xóa án tích; ngày 17/6/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đã được xóa án tích; ngày 27/9/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, đã được xóa án tích; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/02/2026 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Anh Lèo Văn T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Bản T1, xã M, tỉnh S; vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Quàng Văn Đ, sinh năm 1992, nơi cư trú: Bản Q, xã M, tỉnh S; vắng mặt.

2. Ông Cà Văn N, sinh năm 1950, nơi cư trú: Bản Q, xã M, tỉnh S; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 09/9/2018, Cà Văn H gặp Quảng Văn Đ, Đ rủ H đi tìm tài sản để trộm cắp, H là người lái xe mô tô chở Đ đi tìm, Đ là người trộm và tiêu thụ tài sản, tiền bán được sẽ chia nhau. Khoảng 20 giờ cùng ngày, H điều khiển chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26B2-257.43 của H chở Đ từ nhà H đến trung tâm xã Bó Mười, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là xã M, tỉnh Sơn La) để tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đến khu vực bản T1 xã B thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS biển kiểm soát 26B1-986.64 của anh Lèo Văn T dựng bên lề đường, ổ khóa điện cầm sẵn chìa khóa, không ai trông coi. Đ bảo H dừng xe rồi đi bộ đến bật khóa điện nổ máy và điều khiển xe đi hướng xã M, huyện L, tỉnh S để tìm nơi tiêu thụ. H điều khiển xe mô tô của mình đi về nhà. Đ điều khiển xe mô tô đi đến khu vực bản D, xã M, huyện L, tỉnh S, thì bị người dân chặn bắt nên bỏ lại chiếc xe mô tô và trốn về nhà. Ngày 10/9/2018, Đ và H bị cơ quan công an triệu tập đến làm việc. Trong quá trình làm việc, Đ và H thừa nhận toàn bộ hành vi nhưng do lo sợ nên H đã lợi dụng sơ hở bỏ trốn. Ngày 07/02/2026, H bị Công an tỉnh Sơn La bắt truy nã.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu DETECH, loại xe ESOPRO, biển kiểm soát 26B2 - 257.43, màu sơn đen-đỏ-xám, xe đã qua sử dụng, tạm giữ của Cà Văn H; một chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, biển kiểm soát: 26B1-986.64 màu sơn đen-xám, xe đã qua sử dụng; một chiếc điện thoại nhãn hiệu MOBISTAR đã qua sử dụng; một chiếc điện thoại nhãn hiệu MOBELL đã qua sử dụng.

Tại Kết luận số: 306/KL-HĐ ngày 11/9/2018, Hội đồng định giá tài sản huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La kết luận: Chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 26B1-986.64, nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn đen xám, xe đã qua sử dụng có giá trị là: 13.620.000 đồng (*Mười ba triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*). Ngày 20/9/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát: 26B1-986.64 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lèo Văn T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 205/2018/HS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (*nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La*) đã xử phạt Quảng Văn Đ 14 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Về trách nhiệm dân sự, ghi nhận bị cáo Đ tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bị hại anh Lèo Văn T 5.500.000 đồng. Về vật chứng: Tịch thu sung công quỹ nhà nước một chiếc điện thoại nhãn hiệu MOBELL thu giữ của bị cáo Đ.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Anh Lèo Văn T yêu cầu Quảng Văn Đ và Cà Văn H bồi thường 10.500.000 đồng tiền công tìm kiếm và sửa chữa chiếc xe mô tô. Đ đã thỏa thuận bồi thường 5.500.000 đồng nên anh T yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền còn lại là 5.000.000 đồng. Ngày 01/6/2026, ông Cà Văn N đã thay bị cáo bồi thường cho anh T 5.000.000 đồng, anh T không yêu cầu bị cáo bồi

thường thêm.

Cáo trạng số: 35A/CT-VKS-KV2 ngày 05/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La đã truy tố bị cáo Cà Văn H về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi như nội dung cáo trạng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Cà Văn H về tội Trộm cắp tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự, ghi nhận ông Cà Văn N tự nguyện bồi thường cho anh Lèo Văn T 5.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc xe mô tô nhãn hiệu DETECH biển kiểm soát 26B2 - 257.43 và chiếc điện thoại nhãn hiệu MOBISTAR thu giữ của bị cáo Cà Văn H.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, ông Cà Văn N nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát về trách nhiệm dân sự. Lời nói sau của của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại anh Lèo Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Quảng Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, xét thấy sự vắng mặt không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Quảng Văn Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Cà Văn H thừa

nhận toàn bộ hành vi của mình, bị cáo giữ nguyên lời khai như đã khai tại cơ quan điều tra, không thay đổi, bổ sung thêm vấn đề gì làm thay đổi nội dung vụ án và hoàn toàn nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát. Bị cáo khẳng định lời khai của mình là hoàn toàn tự nguyện và đúng với hành vi đã thực hiện. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết quả khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Ngày 09/9/2018, bị cáo Cà Văn H cùng Quảng Văn Đ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26B1-986.64 giá trị 13.620.000 đồng của anh Lèo Văn T. Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo đã thành niên và có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ kết luận bị cáo Cà Văn H đã phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La truy tố bị cáo và Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Bị cáo nhận thức được việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng đã cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ sở hữu tài sản của cá nhân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bên cạnh đó, sau khi bị phát hiện, bị cáo đã bỏ trốn, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, phải xử lý nghiêm bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Về vai trò, sau khi được Quảng Văn Đ rủ rê, bị cáo đã lấy xe mô tô của mình chở Đ đi tìm tài sản để trộm cắp. Hành vi của bị cáo và Đ thuộc trường hợp đồng phạm gián đơn. Đ là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và mang tài sản đi tiêu thụ nên giữ vai trò lớn hơn.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, đã ba lần bị xét xử về hành vi trộm cắp tài sản nhưng đều đã được xóa án tích, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo đã tác động gia đình để bố bị cáo bồi thường cho bị hại; bố của bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba; đại diện chính quyền địa phương có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có 03 con nhỏ dưới 15 tuổi, tại thời điểm xét xử 02 con của bị cáo dưới 15 tuổi, con lớn nhất mới 16 tuổi. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản có giá trị, không có điều kiện và khả năng thi hành hình phạt bổ sung. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bố của bị cáo đã thay bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại và không yêu cầu bị cáo hoàn trả. Căn cứ khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự, sự thỏa thuận bồi thường của các đương sự là tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26B2-257.43 và chiếc điện thoại nhãn hiệu MOBISTAR là tài sản của bị cáo, bị cáo đã sử dụng các tài sản này để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và các vấn đề liên quan khác là phù hợp, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng, tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Cà Văn H (*tên gọi khác: Cà Văn H1*) phạm tội Trộm cắp tài sản. Xử phạt bị cáo Cà Văn H: 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/02/2026. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự, ghi nhận ông Cà Văn N đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại anh Lèo Văn T 5.000.000 (năm triệu) đồng. Anh Lèo Văn T không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản nào khác. Ông Cà Văn N không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc xe mô tô nhãn hiệu DETECH biển kiểm soát 26B2 - 257.43 và chiếc điện thoại nhãn hiệu MOBISTAR (*mô tả chi tiết theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản hồi 16 giờ 20 phút ngày 05/5/2026 giữa cơ quan điều tra và cơ quan thi hành án dân sự*).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/6/2026), bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án

được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2 - Sơn La;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Sơn La;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam CA tỉnh Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 2 - Sơn La;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nam